

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/DS-ST

Ngày: 12-5-2025

V/v “tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mai Chiên Trực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền

2. Ông Võ Hoàng Hiếu

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 187/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Thị Rắc L, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: ấp P1, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 và bà Lê Thị K, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: ấp P1, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng S trình bày:

Ngày 06/12/2024 âm lịch (nhằm ngày 05/01/2025 dương lịch), ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị K có vay của bà Lê Thị Rắc L số tiền 79.000.000 đồng để làm vốn phát triển kinh tế gia đình, lãi suất 1,5%/tháng; khi giao tiền ông H ký nhận trên giấy mượn tiền có sự chứng kiến của bà K, vợ chồng ông H hứa vào ngày 06/01/2025 âm lịch sẽ thanh toán. Tuy nhiên, đã hết thời hạn và bà L yêu cầu thu hồi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông H né tránh, không trả lãi và gốc cho bà L.

Từ cơ sở trên, nay bà Lê Thị Rắc L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền tổng cộng là 81.883.000 đồng, trong đó gồm tiền nợ gốc là 79.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/01/2025 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ kiện với mức lãi 1,5%/tháng, tạm tính đến ngày 19/3/2025 là 2.883.000 đồng.

Theo đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 12/5/2025, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là bà Lê Thị Rắc L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền tổng cộng là 81.141.948 đồng, trong đó gồm tiền nợ gốc là 79.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/02/2025 (tức ngày 07/01/2025 âm lịch) đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ kiện với mức lãi 0.83%/tháng, tạm tính đến ngày 12/5/2025 là 2.141.948 đồng (03 tháng 08 ngày).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập họp lệ ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị K đến để tiến hành hòa giải nhưng ông H và bà K vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật; bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật trong việc tham gia tố tụng. Về nội dung: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị Rắc L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị K trả tiền đã vay và ông H và bà K có địa chỉ cư trú tại huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng S có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Sang theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị K là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông H và bà K vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H và bà K theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị K liên đới trả số tiền vay gốc 79.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là giấy vay tiền ngày 06/12/2024 âm lịch.

Giấy vay tiền ngày 06/12/2024 âm lịch thể hiện nội dung:

“CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Giấy mượn tiền

Tôi tên: Nguyễn Văn H, sinh ngày 24/6/1982 và vợ là Lê Thị K. Ngụ áp P1, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. Tôi có mượn của bà Lê Thị Rắc L số tiền 79.000.000 triệu đồng (bảy mươi chín triệu đồng) vào ngày 6/12/2024 âm lịch và ngày trả là ngày 6/1/2024 âm lịch. Tôi hứa sẽ trả tiền đúng hạn, nếu như tôi không trả đúng ngày hạn tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật” cuối trang có chữ ký Hiền và ghi rõ họ tên Nguyễn Văn H tại mục người mượn tiền. Giấy mượn tiền thể hiện nội dung cụ thể là ông Nguyễn Văn H có vay của bà L số tiền 79.000.000 đồng vào ngày 06/12/2024 âm lịch và cam kết trả vào ngày 06/01/2025 âm lịch.

Xét thấy, nội dung của giấy mượn tiền không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự thì giao dịch vay tiền giữa bà L và ông H đủ kiện kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bên vay khi đến hạn. Hợp đồng vay tiền giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, đáp ứng đủ điều kiện được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*. Do đó, hợp đồng vay tiền giữa bà Lê Thị Rắc L và ông Nguyễn Văn H là hợp pháp.

Theo biên bản xác minh ngày 02/4/2025 tại ủy ban nhân dân xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thể hiện ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 và bà Lê Thị K, sinh năm 1980, cùng cư trú tại ấp P1, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre năm 2012. Như vậy, ông H và bà K là vợ chồng hợp pháp. Theo khoản 1, khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 của luật này. 2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”*. Khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng yêu cầu thiết yếu của gia đình”* và tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ, chồng là nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”*.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà Lê Thị K không trực tiếp không ký tên vào giấy mượn tiền ngày 06/12/2024 âm lịch và ông H, bà K đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, đã được Tòa án triệu tập tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông H và bà K vẫn vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều đó cho thấy, ông H và bà K mặc nhiên thừa nhận theo những chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Như vậy, việc ông H và bà K có vay của bà L số tiền 79.000.000 đồng là có thật. Đến thời hạn thanh toán nợ là ngày 06/01/2025 âm lịch ông H và bà K không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ dân sự theo khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Dân sự “*Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ*” nên bà Lê Thị Rắc L khởi kiện ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị K yêu cầu liên đới trả số tiền nợ gốc 79.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Rắc L, buộc ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Rắc L số tiền nợ gốc là 79.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số nợ gốc 79.000.000 đồng tính từ ngày 04/02/2025 (tức ngày 07/01/2025 âm lịch) đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ kiện với mức lãi 0.83%/tháng, tạm tính đến ngày 12/5/2025 là 2.141.948 đồng (03 tháng 08 ngày).

Xét thấy, ông Nguyễn Văn H có vay của bà L số tiền 79.000.000 đồng vào ngày 06/12/2024 âm lịch tức là 05/01/2025 dương lịch và cam kết trả vào ngày 06/01/2025 âm lịch (tức ngày 03/02/2025 dương lịch). Hợp đồng vay tiền giữa bà L và ông H, bà K không thể hiện lãi suất cụ thể. Theo thỏa thuận này thì hết ngày 06/01/2025 âm lịch (tức ngày 03/02/2025 dương lịch) ông H, bà K không trả nợ gốc là vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Khoản 4, Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*”.

Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định về lãi suất như sau: “*1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. 2. Trường*

hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Như vậy, nguyên đơn bà Lê Thị Rắc L yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc 79.000.000 đồng từ ngày 04/02/2025 (tức ngày 07/01/2025 âm lịch) đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ kiện với mức lãi 0.83%/tháng, tạm tính đến ngày 12/5/2025 là 2.141.948 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị K liên đới trả cho bà Lê Thị Rắc L số tiền tổng cộng là 81.141.948 đồng, trong đó gồm, tiền nợ gốc là 79.000.0000 đồng và tiền lãi là 2.141.948 đồng.

[4] LỜI phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Rắc L số tiền tổng cộng là 81.141.948 đồng nên phải chịu án phí là $81.141.948 \times 5\% = 4.057.097$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Rắc L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị K về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể là: buộc ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Rắc L số tiền tổng cộng là 81.141.948 (tám mươi một triệu một trăm bốn mươi một nghìn chín trăm bốn mươi tám) đồng. Trong đó gồm tiền nợ gốc là 79.000.000 (bảy mươi chín triệu) đồng và số tiền lãi là 2.141.948 (hai triệu một trăm bốn mươi một nghìn chín trăm bốn mươi tám) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị K phải liên đới nộp án phí là 4.057.097 (bốn triệu không trăm năm mươi bảy nghìn không trăm chín mươi bảy) đồng.

Bà Lê Thị Rắc L được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.005.000 (hai triệu không trăm lẻ năm nghìn) đồng theo biên lai số 0008466 ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Mai Chiến Trực